

CÔNG TY CỔ PHẦN DIÊM THÔNG NHẤT

Số 670 - đường Ngô Gia Tự - phường Đức Giang - quận Long Biên - Hà Nội

Tel: (84-4) 62 610 059 Fax: (84-4) 38 271 551

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 25

11/11/2011

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC*(tiếp theo)*

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2009.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Diêm Thống Nhất sau đó được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất theo Quyết định số 1130 ngày 27/8/2001 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000719 ngày 02/01/2002, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 ngày 18/3/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ đăng ký: **15.719.000.000 VND** (Bằng chữ: Mười lăm tỷ, bảy trăm mười chín triệu đồng)

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Sản xuất, kinh doanh diêm và giấy;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp;
- In và các dịch vụ liên quan đến in (trừ loại hình Nhà nước cấm).

Địa chỉ: Số 670 - đường Ngô Gia Tự - phường Đức Giang - quận Long Biên - Hà Nội

Tel: (84-4) 62 610 059 Fax: (84-4) 38 271 551

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2009 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Hưng	Chủ tịch
Bà Ngô Thị Hằng	Ủy viên
Ông Hoàng Tùng	Ủy viên
Ông Trần Quyết Thắng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hưng	Tổng giám đốc
Ông Hoàng Tùng	Phó Tổng giám đốc
Bà Ngô Thị Hằng	Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2009 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2008.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2009 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2009 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN DIÊM THÔNG NHẤT



Nguyễn Hưng
Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2010

Số ~~866~~ -10/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2010

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
về Báo cáo tài chính năm 2009
của Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2009 được lập ngày 20 tháng 03 năm 2010 của Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 06 đến trang 25 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 03, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất cho năm tài chính 2009:

- a, Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- b, Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Tuy nhiên chúng tôi xin lưu ý: Như đã thuyết minh tại mục 3.1 phần IV của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, trong năm Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao đối với tài sản cố định là nhà cửa vật kiến trúc theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị ngày 27/03/2008 về khả năng Công ty phải di dời mặt bằng sản xuất hiện tại theo kế hoạch của thành phố Hà Nội về việc quy hoạch đô thị. Theo đó, giá trị khấu hao năm 2008 tăng thêm 957.043.113 đồng, khấu hao năm 2009 tăng thêm là 580.117.395 đồng.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Trần Quốc Tuấn
Tổng giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0148/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Duy
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1107/KTV

84
T
HỮU
ĐỊNH
NAM
TP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		29.700.225.332	23.662.939.877
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	7.025.194.507	2.864.246.802
1 Tiền	111		4.525.194.507	1.864.246.802
2 Các khoản tương đương tiền	112		2.500.000.000	1.000.000.000
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1 Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.489.356.588	10.961.176.218
1 Phải thu của khách hàng	131	VIII.2.1	11.928.568.804	11.100.101.782
2 Trả trước cho người bán	132	VIII.2.2	1.871.953.343	111.800.438
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	136.900.189	16.173.616
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	VIII.2.3	(448.065.748)	(266.899.618)
IV Hàng tồn kho	140		8.786.511.573	8.974.589.611
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	8.786.511.573	8.974.589.611
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		399.162.664	862.927.246
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		53.773.000	182.809.000
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.2.4	345.389.664	680.118.246
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		10.080.707.227	11.199.211.750
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		9.846.107.227	10.964.611.750
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.4.	9.528.767.860	9.847.972.892
- Nguyên giá	222		38.882.566.517	36.583.141.019
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.353.798.657)	(26.735.168.127)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.5.	317.339.367	1.116.638.858
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		234.600.000	234.600.000
3 Đầu tư dài hạn khác	258	V.6.	234.600.000	234.600.000
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		39.780.932.559	34.862.151.627

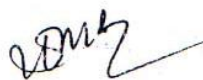
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		17.367.622.201	15.094.529.771
I Nợ ngắn hạn	310		15.182.203.119	14.527.937.666
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.7.	474.000.000	3.848.762.180
2 Phải trả người bán	312	VIII.2.4	4.130.654.174	4.691.631.234
3 Người mua trả tiền trước	313	VIII.2.5	58.683.611	284.253.411
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8.	472.060.359	270.972.747
5 Phải trả người lao động	315		6.911.181.776	1.934.003.072
6 Chi phí phải trả	316		908.500	6.292.768
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.9.	3.134.714.699	3.492.022.254
II Nợ dài hạn	330		2.185.419.082	566.592.105
4 Vay và nợ dài hạn	334		1.378.744.080	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		806.675.002	566.592.105
B VỐN CHỦ SỞ HỮU(400=410+430)	400		22.413.310.358	19.767.621.856
I Vốn chủ sở hữu	410	V.11.	21.930.857.416	19.475.120.008
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		15.719.000.000	15.719.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	2.367.350.606
4 Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		146.498.562	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		2.767.920.977	-
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		1.081.974.652	841.195.659
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.215.463.225	547.573.743
11 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		482.452.942	292.501.848
1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		482.452.942	292.501.848
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		39.780.932.559	34.862.151.627

Kế toán trưởng



Ngô Thị Hằng

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2010
CÔNG TY CỔ PHẦN DIỄM THỐNG NHẤT

Tổng giám đốc



Nguyễn Hưng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.12.	79.087.590.367	69.999.718.546
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.13.	89.600	29.688.131
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.14.	79.087.500.767	69.970.030.415
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.15.	64.535.571.959	56.749.524.032
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		14.551.928.808	13.220.506.383
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.16.	369.082.449	539.423.233
7 Chi phí tài chính	22	VI.17.	194.410.124	651.670.877
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		194.410.124	546.105.277
8 Chi phí bán hàng	24	VIII.2.7	5.029.781.266	4.790.577.425
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.8	6.501.914.404	5.611.601.271
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		3.194.905.463	2.706.080.043
11 Thu nhập khác	31	VIII.2.9	44.053.203	893.073.007
12 Chi phí khác	32	VIII.2.10	33.172.092	584.684.676
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		10.881.111	308.388.331
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.205.786.574	3.014.468.374
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.18.	664.846.634	549.234.542
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.540.939.940	2.465.233.832
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.20.	16.165	15.667

Kế toán trưởng



Ngô Thị Hằng

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2010
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỂM THÔNG NHẤT

Tổng giám đốc



Nguyễn Hưng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		81.691.263.105	75.465.277.473
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(53.955.290.758)	(36.263.365.486)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(12.968.279.476)	(14.350.623.550)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(193.501.624)	(547.293.760)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(501.213.922)	(677.303.982)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		1.767.426.829	2.227.749.198
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(8.961.456.418)	(20.379.827.424)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.878.947.736	5.474.612.469
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.090.671.333)	(2.548.283.698)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		44.053.203	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		324.812.743	57.630.178
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(721.805.387)	(2.490.653.520)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		7.024.594.866	9.468.757.700
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(9.020.612.966)	(10.195.981.021)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1.910.744.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.996.018.100)	(2.637.967.321)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		4.161.124.249	345.991.628
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.864.246.802	2.518.075.396
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(176.544)	179.778
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		7.025.194.507	2.864.246.802

Kế toán trưởng



Ngô Thị Hằng

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2010
CÔNG TY CỔ PHẦN DIỆM THÔNG NHẤT

Tổng giám đốc



Nguyễn Hưng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Diêm Thống Nhất sau đó được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất theo Quyết định số 1130 ngày 27/8/2001 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000719 ngày 02/01/2002, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 ngày 18/3/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ đăng ký: **15.719.000.000 VND** (Bằng chữ: Mười lăm tỷ, bảy trăm mười chín triệu đồng)

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh diêm và giấy;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp;
- In và các dịch vụ liên quan đến in (trừ loại hình Nhà nước cấm).

Địa chỉ: Số 670 - đường Ngô Gia Tự - phường Đức Giang - quận Long Biên - Hà Nội

Tel: (84-4) 62 610 059 Fax: (84-4) 38 271 551

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Unesco. Đến thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

2009
ÔNG
H N H
TÀI CHÍNH
VIỆT NAM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

(tiếp theo)

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.
- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.
- **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Tại thời điểm 31/12/2009, Công ty không có hàng tồn kho phải trích lập dự phòng giảm giá.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**3.1 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 – Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

15/12
16/12
17/12
18/12
19/12
20/12
21/12
22/12
23/12
24/12
25/12
26/12
27/12
28/12
29/12
30/12
31/12

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

(tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm >
	<u>Năm 2009</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 09
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Công ty thay đổi tỷ lệ khấu hao trong kỳ đối với nhóm tài sản cố định hữu hình là nhà cửa vật kiến trúc theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị ngày 27/03/2008 do khả năng Công ty phải đi dời mặt bằng sản xuất hiện tại theo kế hoạch của thành phố Hà Nội về việc quy hoạch đô thị. Theo đó, giá trị khấu hao năm 2008 tăng thêm 957.043.113 đồng, khấu hao năm 2009 tăng thêm là 580.117.395 đồng.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty là khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

Tại thời điểm 31/12/2009 Công ty không trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 16 – Chi phí đi vay.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí lãi vay đối với các hợp đồng vay quy định trả lãi vay sau. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng, khế ước vay và thời gian vay thực tế.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4-C
 TY
 JU HA
 INH Q
 .M
 P. 14

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

(tiếp theo)

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu xuất khẩu và doanh thu bán trong nước các thành phẩm, hàng hoá là diêm, giấy vờ, giấy carton; doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê tài sản hoạt động, doanh thu dịch vụ điện nước, dịch vụ quảng cáo, dịch vụ in gia công, gia công giấy ăn và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay.

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê tài sản, lao vụ điện nước, quảng cáo, in gia công, gia công giấy ăn được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

11. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

11.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

(tiếp theo)

Phương pháp trích lập dự phòng phải thu khó đòi: Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi căn cứ theo thời gian phát sinh của từng hợp đồng kinh tế.

11.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hay bất kỳ mục đích nào được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

11.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

11.4 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 0% đối với các lô hàng xuất khẩu, 5% đối với hoạt động thanh lý tài sản cố định và 10% đối với các lô hàng khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty được miễn thuế 01 năm đầu tiên kể từ khi có lãi, giảm 50% trong 02 năm tiếp theo Điểm a, Mục 2, Khoản IV, Phần E Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ Tài chính. Năm 2009 là năm thứ hai Công ty có lãi từ hoạt động đầu tư lắp đặt dây chuyền sản xuất mới và được miễn thuế đối với phần thu nhập của sản phẩm giấy carton theo tỷ lệ doanh thu của sản phẩm giấy carton trên tổng doanh thu trong năm 2009.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

11.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

(tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	1.930.549.794	962.461.799
Tiền gửi ngân hàng	2.594.644.713	901.785.003
<i>VND</i>	2.578.436.096	848.401.675
<i>Ngân hàng Công thương Chương Dương</i>	1.587.108.281	785.243.101
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thành Đô</i>	991.327.815	63.158.574
<i>USD</i>	16.208.617	53.383.328
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thành Đô</i>	16.208.617	53.383.328
Các khoản tương đương tiền	2.500.000.000	1.000.000.000
<i>Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Công thương khu vực</i> <i>Chương Dương</i>	-	1.000.000.000
<i>Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển</i> <i>Thành Đô</i>	1.000.000.000	-
<i>Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển</i> <i>Thành Đô</i>	1.500.000.000	-
Cộng	7.025.194.507	2.864.246.802
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Phải thu khác	136.900.189	16.173.616
<i>Phải thu tiền mua trái phiếu của công nhân viên</i>	16.100.000	16.100.000
<i>Phải thu khác</i>	73.616	73.616
Cộng	136.900.189	16.173.616
3. Hàng tồn kho	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.363.983.206	7.437.394.140
Công cụ, dụng cụ	167.124.982	117.489.054
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	933.221.888	789.105.330
Thành phẩm	319.631.485	628.051.075
Hàng hoá	2.550.012	2.550.012
Cộng giá gốc hàng tồn kho	8.786.511.573	8.974.589.611

CÔNG TY CỔ PHẦN DIỆM THÔNG NHẤT

Số 670 - đường Ngõ Gia Tự - phường Đức Giang - quận Long Biên - Hà Nội

Tel: (84-4) 62 610 059 Fax: (84-4) 38 271 551

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính 2009

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

(tiếp theo)

Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2009	15.794.470,672	16.614.692,777	4.092.450,660	81.526,910	36.583.141,019
Mua trong năm	-	2.020.080,390	371.903,429	53.227,272	2.445.211,091
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(105.798,943)	-	(39.986,650)	(145.785,593)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2009	15.794.470,672	18.528.974,224	4.464.354,089	94.767,532	38.882.566,517
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2009	12.367.746,558	12.325,491,613	2.008,376,695	33,553,261	26.735,168,127
Khấu hao trong năm	570.209,930	1.568.311,304	572.749,413	20.174,818	2.731,445,465
Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(88.822,951)	-	(23.991,984)	(112,814,935)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2009	12.937,956,488	13.804,979,966	2.581,126,108	29,736,095	29.353,798,657
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2009	3.426,724,114	4.289,201,164	2.084,073,965	47,973,649	9.847,972,892
Tại ngày 31/12/2009	2.856,514,184	4.723,994,258	1.883,227,981	65,031,437	9.528,767,860
- Nguyên giá TSCD cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 23.031.037.874 VND					
- Nguyên giá TSCD cuối năm chờ thanh lý: 0 VND					
- Các cam kết về việc mua bán TSCD hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: 0 VND					
- Các thay đổi khác về TSCD hữu hình: 0 VND					

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

(tiếp theo)

5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	88.789.315	-
Mua sắm TSCĐ	-	1.051.179.762
Sửa chữa lớn TSCĐ	228.550.052	65.459.096
Cộng	317.339.367	1.116.638.858
6. Đầu tư dài hạn khác	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	234.600.000	234.600.000
<i>Công ty CP Lừa Việt</i>	<i>234.600.000</i>	<i>234.600.000</i>
Cộng	234.600.000	234.600.000
7. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vay ngắn hạn	474.000.000	3.848.762.180
Vay ngắn hạn VND	474.000.000	3.505.879.780
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Thành Đô</i>	<i>-</i>	<i>2.041.882.372</i>
<i>Chi nhánh Ngân hàng Công thương khu vực Chương Dương</i>	<i>474.000.000</i>	<i>1.463.997.408</i>
Vay ngắn hạn USD	-	342.882.400
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Thành Đô</i>	<i>-</i>	<i>342.882.400</i>
Cộng	474.000.000	3.848.762.180
8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		Đơn vị tính: VND
	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	203.699.297	166.244.397
Thuế thu nhập doanh nghiệp	268.361.062	104.728.350
Cộng	472.060.359	270.972.747
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	226.780.824	150.656.239
Bảo hiểm xã hội	-	12.182.061
Phải trả về cổ phần hoá	9.958.000	862.796.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.897.975.875	2.466.387.954
Cộng	3.134.714.699	3.492.022.254

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỂM THÔNG NHẤT

Số 670 - đường Ngô Gia Tự - phường Đức Giang - quận Long Biên - Hà Nội
Tel: (84-4) 62 610 059 Fax: (84-4) 38 271 551

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính 2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009
(tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

11. Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	A	1					
Số dư tại ngày 01/01/2008	15.719.000.000	-	-	2.367.350.606	512.338.701	1.376.414.069	19.975.103.376
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	2.465.233.832	2.465.233.832
- Tăng khác	-	-	136.526.718	-	-	-	136.526.718
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	328.856.958	(3.292.824.158)	(2.963.967.200)
- Giảm khác	-	-	(136.526.718)	-	-	(1.250.000)	(137.776.718)
Số dư tại ngày 31/12/2008	15.719.000.000	-	-	2.367.350.606	841.195.659	547.573.743	19.475.120.008
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	2.540.939.940	2.540.939.940
- Tăng khác	-	-	146.498.562	133.150.009	240.778.993	-	520.427.564
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(873.050.458)	(873.050.458)
Số dư tại ngày 31/12/2009	15.719.000.000	-	146.498.562	2.500.500.615	1.081.974.652	2.215.463.225	21.663.437.054
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu							
						31/12/2009	01/01/2009
						VND	VND
- Vốn góp của Tổng Công ty Giấy Việt Nam						3.929.600.000	5.000.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác						11.789.400.000	10.719.000.000
Cộng						15.719.000.000	15.719.000.000

* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: 0 đồng

* Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009
(tiếp theo)

10. Vay và nợ dài hạn	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vay dài hạn	1.378.744.080	-
- Vay ngân hàng Đầu tư và Phát triển chi nhánh Thành Đô	1.378.744.080	-
Cộng	1.378.744.080	-

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	15.719.000.000	15.719.000.000
Vốn góp đầu năm	15.719.000.000	15.719.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	15.719.000.000	15.719.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: 13%

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: 0 đồng

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: 0 đồng

d) Cổ phiếu

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	157.190	157.190
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	157.190	157.190
- Cổ phiếu phổ thông	157.190	157.190
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	157.190	157.190
- Cổ phiếu phổ thông	157.190	157.190
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 100.000 đồng/cổ phiếu

e) Các quỹ của công ty	01/01/2009	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2009
	Quỹ đầu tư phát triển	-	2.767.920.977	-
Quỹ dự phòng tài chính	841.195.659	240.778.993	-	1.081.974.652
Cộng	841.195.659	3.008.699.970	-	3.849.895.629

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

(tiếp theo)

10. Vay và nợ dài hạn	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vay dài hạn		
- Vay ngân hàng Đầu tư và Phát triển chi nhánh Thành Đô	1.378.744.080	-
Cộng	1.378.744.080	-
VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		
12. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	390.963.982	28.381.364
Doanh thu bán thành phẩm	72.238.409.806	66.370.232.266
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.276.807.602	3.541.191.872
Doanh thu hàng khuyến mại	181.408.977	59.913.044
Cộng	79.087.590.367	69.999.718.546
13. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại của thành phẩm đã bán	89.600	29.688.131
Cộng	89.600	29.688.131
14. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng hóa	390.963.982	28.381.364
Doanh thu thuần bán thành phẩm	72.238.320.206	66.340.544.135
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	6.276.807.602	3.541.191.872
Doanh thu thuần hàng khuyến mại	181.408.977	59.913.044
Cộng	79.087.500.767	69.970.030.415
15. Giá vốn hàng bán	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	334.879.338	33.480.108
Giá vốn của thành phẩm đã bán	62.306.401.375	55.067.464.285
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.894.291.246	1.648.579.639
Cộng	64.535.571.959	56.749.524.032
16. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	98.889.674	50.730.178

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

(tiếp theo)

Cổ tức, lợi nhuận được chia	13.800.000	6.900.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	256.392.775	397.566.337
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	84.226.718
Cộng	369.082.449	539.423.233
17. Chi phí tài chính	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Lãi tiền vay	194.410.124	546.105.277
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	105.565.600
Cộng	194.410.124	651.670.877
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	79.486.836.419	71.311.399.937
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	76.294.849.845	68.388.058.281
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	3.191.986.574	2.923.341.656
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	28%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	797.996.644	818.535.664
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế TDND năm nay theo các quy định hiện hành (Điều chỉnh giảm theo Thông tư số 134/2007TT-BTC)	(133.150.009)	(269.301.122)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	664.846.634	549.234.542
19. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.418.770.503	43.128.049.631
Chi phí nhân công	20.266.431.582	17.420.764.061
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.445.211.091	2.802.327.197
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.661.193.999	3.967.223.443
Chi phí khác bằng tiền	2.611.348.161	2.469.827.657
Cộng	77.402.955.336	69.788.191.989
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.540.939.940	2.465.233.832
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-

TRƯỞNG KIỂM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

(tiếp theo)

+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.540.939.940	2.463.983.832
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	157.190	157.190
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.165	15.675

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

VIII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1 <i>Giao dịch với các bên liên quan</i>	<u>Quan hệ với Công ty</u>	<u>Năm 2009 VND</u>	<u>Năm 2008 VND</u>
<i>Doanh thu</i>			
Bán hàng cho Tổng Công ty Giấy Việt Nam	Thành viên góp vốn	2.369.546.150	1.683.557.000
<i>Mua hàng</i>			
Mua hàng của Tổng Công ty Giấy Việt Nam	Thành viên góp vốn	-	27.271.200
1.2 <i>Thu nhập Ban giám đốc được hưởng trong năm</i>	<u>Quan hệ với Công ty</u>	<u>Năm 2009 VND</u>	<u>Năm 2008 VND</u>
Lương		375.626.000	186.638.000
Cộng		375.626.000	186.638.000
1.3 <i>Số dư với các bên liên quan</i>		<u>31/12/2009 VND</u>	<u>01/01/2009 VND</u>
<i>Các khoản phải thu</i>			
Tổng Công ty Giấy Việt Nam	Thành viên góp vốn	106.233.250	-
<i>Các khoản phải trả</i>			
Tổng Công ty Giấy Việt Nam	Thành viên góp vốn	-	29.998.320
2. Những thông tin khác			
2.1 <i>Phải thu của khách hàng</i>		<u>31/12/2009 VND</u>	<u>01/01/2009 VND</u>
Nguyễn Thị Điểm		40.721.010	131.556.002
Công ty Viễn thông Viettel		-	110.000.000
Công ty TNHH TM Hòa Bình Minh		23.383.306	107.811.301
Trương Ngọc Lan		119.623.502	123.134.500
Công ty Giấy Tissue Sông Đuống		297.185.263	150.639.698
Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà		-	262.084.477
Công ty TNHH NN MTV Dệt Kim Đông Xuân		187.402.912	167.884.204
Công ty CP Dược phẩm TW1		132.098.783	256.827.576
Công ty CP Bánh kẹo Hữu Nghị		989.639.003	874.636.043

102
 CH
 VI
 10/11/09

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

(tiếp theo)

Công ty TNHH Quang Vinh	143.997.814	195.550.107
Công ty CP Thương mại Minh Khai	219.324.003	113.454.511
Công ty CP May Diêm Sài Gòn	512.979.013	394.613.510
Công ty CP Rượu bia NGK AROMA	-	162.087.617
Công ty TNHH Hưng Thuận	16.554.905	128.425.001
Công ty TNHH Giấy Nam Giang	103.051.448	103.051.448
Công ty Liên doanh Vũ Tá	83.013.322	142.353.321
Trần Thị Bình	93.000.601	105.661.597
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Điện Biên	50.878.124	111.597.918
Taiping advertising Matches SDN BHD	3.538.845.385	3.878.252.364
Các đối tượng khác	5.376.870.410	3.580.480.587
Cộng	11.928.568.804	11.100.101.782
2.2 Trả trước cho người bán	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công ty Hùng Vương	-	46.800.000
Công ty CP K.C.D	-	20.000.000
Liên hiệp KHCN môi trường & Phát triển bền vững	-	30.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Quảng cáo Thế hệ mới	-	15.000.000
PINGXIANG NEW POWER TRARE	1.550.203.200	-
Công ty TNHH TM & DV Nguyễn Ngọc	240.000.000	-
Các đối tượng khác	159.456.863	438
Cộng	1.949.660.063	111.800.438
2.3 Dự phòng phải thu khó đòi	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công ty TNHH Giấy Nam Giang	51.525.724	30.915.434
Công ty Vũ Tá	58.109.325	71.176.661
Công ty Sincere Việt Nam	40.366.263	40.366.263
Công ty CP Giấy bao bì Việt Nam	40.319.983	-
Công ty TNHH Gốm sứ Minh Long	44.396.319	-
Các đối tượng khác	213.348.134	124.441.260
Cộng	448.065.748	266.899.618
2.4 Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tạm ứng	345.389.664	680.118.246
Cộng	345.389.664	680.118.246

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

(tiếp theo)

2.5 <i>Phải trả người bán</i>	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Điện lực Long Biên	130.933.350	104.440.275
Công ty CP Sản xuất Thương mại Giấy Phong Châu	381.801.105	659.847.680
Xí nghiệp Giấy Phát Đạt	215.526.696	297.925.990
Công ty Giấy Việt Trì	1.203.147.552	1.395.612.777
Hợp tác xã CP Thanh Hiếu	30.804.356	197.670.678
Công ty Sản xuất và Thương mại Việt Mỹ	63.305.550	174.115.180
Xí nghiệp Giấy Thành Tú	65.182.434	183.055.046
Xí nghiệp Giấy Minh Dung	130.630.040	144.797.432
Xí nghiệp Giấy Đức Tiến	29.525.078	121.350.561
Hợp tác xã CP Bình Minh	-	127.390.000
Công ty TNHH Hùng Phát	185.164.207	163.022.075
Cơ sở nhựa Thành Vượng	116.287.050	174.467.700
Công ty TNHH An Huy	-	110.550.000
Các đối tượng khác	1.578.346.756	837.385.840
Cộng	4.130.654.174	4.691.631.234
2.6 <i>Người mua trả tiền trước</i>	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công ty CP Sản xuất bao bì và hàng xuất khẩu	-	56.000.000
Công ty CP LADE Việt Nam	-	23.100.001
Công ty TNHH Thành Phương	-	130.000.000
Công ty CP Rượu Hà Nội	-	10.000.000
Công ty TNHH Tự Cường	-	20.000.000
Tổng Công ty Giấy Việt Nam	-	29.998.320
Công ty Văn phòng phẩm Hồng Hà	5.701.044	-
Công ty TNHH Thương mại Nam Sơn	13.307.500	-
Nguyễn Văn Bảo	22.649.998	-
Các đối tượng khác	17.025.069	15.155.090
Cộng	58.683.611	284.253.411
2.7 <i>Chi phí bán hàng</i>	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.029.121.049	1.873.624.470
Chi phí vật liệu, bao bì	238.311.306	107.709.972
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	44.128.092	36.390.003
Chi phí khấu hao TSCĐ	276.602.335	313.163.169
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.585.583.053	1.463.789.001
Chi phí bằng tiền khác	856.035.431	995.900.810
Cộng	5.029.781.266	4.790.577.425

18
H
D
NA
TT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

(tiếp theo)

2.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.156.795.260	2.169.803.453
Chi phí vật liệu quản lý	110.570.304	96.025.273
Chi phí đồ dùng văn phòng	482.373.905	204.042.765
Chi phí khấu hao TSCĐ	336.283.230	463.677.115
Thuế, phí và lệ phí	882.683.880	880.866.225
Chi phí phụ trợ	181.166.130	152.091.443
Chi phí dịch vụ mua ngoài	406.003.093	266.462.097
Chi phí bằng tiền khác	1.946.038.602	1.378.632.900
Cộng	6.501.914.404	5.611.601.271

2.9 Thu nhập khác	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Thanh lý tài sản cố định	44.050.238	893.073.007
Thu nhập khác	2.965	-
Cộng	44.053.203	893.073.007

2.10 Chi phí khác	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	32.970.658	562.276.714
Chi phí khác	201.434	22.407.962
Cộng	33.172.092	584.684.676

2.11 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2008 của Công ty Cổ phần Diêm Thông Nhất đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Kế toán trưởng



Ngô Thị Hằng

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2010
CÔNG TY CỔ PHẦN DIÊM THÔNG NHẤT

Tông giám đốc




Nguyễn Hưng